

Bản án số: **08/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 08-5-2020

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Thái

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Hồng

2. Ông Nguyễn Thế Quyết

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 576/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 576/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm: 1969; *Có mặt*

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm: 1966; *Có mặt*

Cùng địa chỉ: Số X, đường Y, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* ông **Trần Cao N**, Luật sư Văn phòng luật sư S, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. *Có mặt*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn P qua tìm hiểu thì chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng đến năm 2001 ông bà mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ số X, đường Y, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống ông bà P sinh nhiều mâu

thuần do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, ông P thường xuyên to tiếng và có hành vi đánh đập bà C. Mặt khác, bà C cho rằng ông P không phụ giúp bà C mọi việc trong gia đình. Mặc dù được gia đình hai bên và chính quyền địa phương hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn không được cải thiện mà ngày càng nghiêm trọng thêm. Từ tháng 10/2019, bà C cùng con gái đã dọn ra ngoài sinh sống, vợ chồng ông bà sống ly thân, mỗi người một nơi, phần ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau.

Nay bà C xét thấy không còn yêu thương ông P, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, hôn nhân thực tế không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

- Về con chung: Bà C xác định bà và ông Nguyễn Văn P có hai con chung là: Nguyễn Văn B, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 25/01/2002. Trong đơn khởi kiện, bà C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con, còn cháu B đã thành niên nên không đề cập đến. Tại phiên tòa, bà C cho rằng các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định bà và ông Nguyễn Văn P không có tài sản chung, không có nợ chung.

*\* Quá trình giải quyết, kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước phiên tòa, ông Nguyễn Văn P không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

***Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn P trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị C về thời gian chung sống, kết hôn và xác định việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện.

Ông P cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn thường gặp trong cuộc sống gia đình, không có gì lớn. Ông thừa nhận do nóng tính có đánh bà C vài lần, nguyên nhân do bà C không hòa hợp với gia đình ông, đồng thời bà C không tôn trọng ông. Nay bà C yêu cầu ly hôn, ông nhận thấy ông còn yêu thương bà C, con gái ông bà đang học lớp 12 cần sự ổn định tinh thần, mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn có thể hàn gắn nên xin được đoàn tụ.

- Về con chung: Ông P thống nhất với lời trình bày của bà C, xác định ông bà có hai con chung đã trưởng thành nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Ông P xác định ông và bà C có tài sản chung là nhà ở xây dựng tại số X, đường Y, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Ông xác định nguồn gốc tài sản là từ anh ruột của bà C bán rẻ hơn so với giá thị trường cho vợ

chồng ông bà với điều kiện phải để bà C đứng tên một mình, do đó, ông mới đồng ý ký Văn bản thỏa thuận tài sản riêng của bà C trong thời kỳ hôn nhân. Trong quá trình chung sống, ông vẫn có đóng góp một phần để tạo dựng nên khối tài sản. Ông P yêu cầu phân chia tài sản chung trong trường hợp giải quyết ly hôn.

- Về nợ chung: Ông P xác định ông và bà Nguyễn Thị C không có nợ chung.

**\* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - Luật sư Trần Cao N trình bày:***

Hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, cùng nhau gây dựng. Tuy nhiên, dù bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn P là vợ chồng hợp pháp, có sự tự nguyện khi kết hôn nhưng trong suốt quá trình chung sống, ông P cũng thừa nhận đã có hành vi đánh đập bà C. Đồng thời bản thân bà C phải lao động để xây dựng gia đình mà không có sự chung tay của ông P. Xét thấy, hôn nhân thực tế giữa bà C và ông P không còn tồn tại, từ tháng 10/2019 đến nay, ông bà đã không còn sống chung với nhau nữa. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

Hiện nay, các con chung của bà C và ông P đã thành niên và đều có thể chất cũng như tâm thần bình thường; cả bà C và ông P đều xác định ông bà không có nợ chung nên không yêu giải quyết những quan hệ này.

Đối với vấn đề tài sản chung, Văn bản thỏa thuận về việc xác định tài sản riêng trong thời kỳ hôn nhân có chữ ký đồng ý của ông Nguyễn Văn P là cơ sở để xác định tài sản tại địa chỉ số X, đường Y, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng là tài sản riêng của bà C trong thời kỳ hôn nhân. Mặt khác, quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông P không tham gia hòa giải, không có ý kiến phản hồi và yêu cầu gì về vấn đề tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu giải quyết về tài sản của bị đơn.

**\* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến:***

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình giải quyết vụ án; Bị đơn chưa tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ của mình: không có ý kiến phản hồi, vắng mặt tại các buổi hòa giải.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho

nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; về con chung đã thành niên nên không đề cập đến; về tài sản chung: nguyên đơn xác định không có, tại phiên tòa bị đơn xác định có tài sản chung nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có bất kỳ phản hồi cũng như không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào do vậy đề nghị không xem xét vấn đề tài sản chung trong vụ án này; về nợ chung các bên xác định không có nên không đề cập.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **\* Về tố tụng:**

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn P có địa chỉ cư trú tại số X, đường Y, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **\* Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn P tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn (đăng ký tại UBND phường Thạc Gián, quận Thanh Khê - số 115 ngày 26/11/2001) nên hôn nhân của ông bà hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bà C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Văn P, còn ông P xin đoàn tụ. Xét yêu cầu của các bên thì thấy:

Bà C xác định kể từ khi kết hôn, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về tính tình, mặt khác do ông P hay chửi mắng bà C nên giữa vợ chồng có xảy ra xô xát, gây gổ ồn ào. Lời trình bày này của bà C cơ bản phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương nơi bà C và ông P sinh sống.

Đối với ông Nguyễn Văn P, ngoài lý do bản thân còn tình cảm với bà C, ông còn cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn và vẫn có khả năng hàn gắn nên ông xin được đoàn tụ. Tuy nhiên, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay ông P không đưa ra được biện pháp cụ thể để cải thiện mâu thuẫn vợ chồng, hàn gắn tình cảm, trong khi bà C vẫn cương quyết ly hôn nên Hội đồng xét xử không thể thỏa mãn yêu cầu đoàn tụ của P được.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà C và ông P đã thực sự lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị C về việc ly hôn đối với ông Nguyễn Văn P là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn P cùng xác định ông bà có 02 con chung đã thành niên là: Nguyễn Văn B – Sinh ngày 05/12/1998 và Nguyễn Thị Bích H – Sinh ngày 25/01/2002 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn Thị C xác định bà và ông P không có tài chung. Về phía ông Nguyễn Văn P, quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước phiên tòa, ông P không có ý kiến gì đối với các yêu cầu khởi kiện của bà C cũng như không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Tại phiên tòa, ông P cho rằng ông và bà C có tài sản chung là nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số X, đường Y, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng đồng thời có yêu cầu phân chia về tài sản chung. Xét thấy yêu cầu của ông P không tuân thủ đúng các quy định tại Điều 72, 96, 200 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét trong vụ án này; khi thấy có căn cứ, ông P có thể yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về nợ chung: cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định không có nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ.

[6] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, Luật sư tại phiên tòa về cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 72, 96, 147, 200, 244, 266 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn của bà Nguyễn Thị C đối với ông Nguyễn Văn P.

***Tuyên xử:***

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho bà Nguyễn Thị C ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

**2. Án phí HNGĐ-ST:** 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị C phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 1538 ngày 09/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**3. Về quyền kháng cáo:** bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn P, ông Trần Cao N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận:***

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- UBND phường T;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**DƯƠNG THỊ THÁI**

